

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 55/BIO - ORGANIC/2023**

**I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC**

Địa chỉ: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0389948784

Mã số doanh nghiệp: 0108117821 Sở Kế hoạch và đầu tư Hưng Yên cấp ngày 09/9/2021

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 63/2021/ATTP-CNĐK.

Ngày cấp: 01/11/2021.

Nơi cấp: Chi Cục an toàn vệ sinh thực phẩm – Tỉnh Hưng Yên.

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung sữa tiệt trùng K2-D3**

**2. Thành phần:**

Nước, bột sữa (7,7%), đường tinh luyện, dầu thực vật, chất béo sữa, chất béo mạch trung bình (MCT), hỗn hợp vitamin và khoáng chất (E, C, niacin, axit pantothenic, B1, B6, A, B2, axit folic, beta caroten, K, biotin, D3, K2, kali clorid, sắt pyrophosphat, kẽm oxit, natri selenit, kali iodid, mangan sulfat), chất ổn định (418, 407), hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm, chất điều chỉnh độ axit (500(ii)), 2'-fucosyllactose (2'-FL HMO) (0,27 g/L), muối, DHA, bột sữa non (104,2 mg/L), taurin, cholin.

Sản phẩm có chứa sữa, DHA từ cá.

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

- 09 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất và hạn dùng in trên vỏ hộp.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

**4.1. Quy cách đóng gói:**

Đóng gói với thể tích thực: Hộp 110 ml, 180 ml (Sai số định lượng phù hợp với Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ).

**4.2. Chất liệu bao bì:**

Sản phẩm được chứa trong bao bì hộp giấy, bên trong là lớp PE chuyên dùng, ghép kín, đảm bảo yêu cầu an toàn thực phẩm theo QCVN 12-1:2011/BYT của Bộ Y tế.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**



Tên cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN ELOVI VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Phổ Yên, phường Thuận Thành, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

QCVN 8-1:2011/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm

QCVN 8-2:2011/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

QCVN 8-3:2012/ BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm

Quyết định số 38/2018/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa của melamine nhiễm chéo trong thực phẩm.

Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 55/BIO-ORGANIC/2023/TCSP

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hung Yên, ngày 17 tháng 11 năm 2023

**Đại diện tổ chức, cá nhân**



GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Văn Tiên*



# CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC

## BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Số: 55/BIO-ORGANIC/2023/TCSP

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC

Địa chỉ : Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0389948784

**1.Sản phẩm : Thực phẩm bổ sung sữa tiệt trùng K2-D3**

**2.Chỉ tiêu cảm quan:**

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng lỏng
2	Màu sắc	Màu trắng sữa đến màu vàng nhạt đặc trưng sản phẩm
3	Mùi vị	Thơm, ngọt, đặc trưng của sản phẩm

**3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu**

Giá trị dinh dưỡng trong 110ml sản phẩm

Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Hàm lượng
Năng lượng	kcal	82,13
Chất đạm (Protein)	g	3,23
Chất béo (Lipid)	g	2,97
MCT	g	0,23
Hydrat cacbon	g	10,62
DHA	mg	1,6
Taurin	mg	8,8
Lysin	mg	211
Vitamin A	IU	337



Vitamin D3	IU	66
Vitamin E	IU	2
Vitamin K	µg	1,8
Vitamin B1	µg	154
Vitamin B2	µg	160
Vitamin K2	µg	2
Niacin	mg	1,8
Axit pantothenic	mg	0,94
Vitamin B6	µg	110
Axit folic	µg	52,3
Cholin	mg	2,772
Natri	mg	34,112
Kali	mg	92,95
Canxi	mg	110
Phốt pho	mg	80
Magiê	mg	9,8
Sắt	µg	950
Kẽm	mg	0,75
Clo	mg	88
Iốt	µg	29
Mangan	µg	2,365
Selen	µg	5,2

Hàm lượng dinh dưỡng >80% giá trị ghi trên nhãn.

Hàm lượng vitamin và khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02 Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo thông tư 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

#### 4. Thành phần:

Nước, bột sữa (7,7%), đường tinh luyện, dầu thực vật, chất béo sữa, chất béo

mạch trung bình (MCT), hỗn hợp vitamin và khoáng chất (E, C, niacin, axit pantothenic, B1, B6, A, B2, axit folic, beta caroten, K, biotin, D3, K2, kali clorid, sắt pyrophosphat, kẽm oxit, natri selenit, kali iodid, mangan sulfat), chất ổn định (418, 407), hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm, chất điều chỉnh độ axit (500(ii)), 2'-fucosyllactose (2'-FL HMO) (0,27 g/L), muối, DHA, bột sữa non (104,2 mg/L), taurin, cholin.

Sản phẩm có chứa sữa, DHA từ cá.

## 5. Chỉ tiêu an toàn

### 5.1. Giới hạn về vi sinh vật

Theo QCVN 8-3:2012/ BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm

<i>STT</i>	<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Mức tối đa</i>
1	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/ml	5
2	<i>L.monocytogenes</i>	CFU/ml	10 <sup>2</sup>

### 5.2. Giới hạn kim loại nặng

Theo QCVN 8-2:2011/ BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

<i>STT</i>	<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Mức tối đa</i>
1	Cadimi	mg/kg	1
2	Chì	mg/kg	0,02
3	Thủy ngân	mg/kg	0,05
4	Asen	mg/kg	0,5

### 5.3. Giới hạn về độc tố vi nấm

Theo QCVN 8-1:2011/ BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

<i>STT</i>	<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Mức tối đa</i>
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5

782  
 TỶ  
 HÂN  
 ƯỚN  
 ỚC  
 GAN  
 HƯ

<i>STT</i>	<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Mức tối đa</i>
2	Patulin	µg/kg	10
3	Fumonisin	µg/kg	200

#### **5.4. Giới hạn về Melamin**

Theo 38/2018/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa melamin nhiễm chéo trong thực phẩm.

<b>STT</b>	<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mức tối đa</b>
1	Melamin	mg/kg	2,5

#### **6. Hướng dẫn sử dụng:**

##### **6.1. Đối tượng sử dụng:**

Không dùng cho trẻ dưới 1 tuổi.

##### **6.2. Cách dùng:**

Uống trực tiếp, lắc đều trước khi uống. Ngon hơn khi uống lạnh. Sản phẩm cho 1 lần sử dụng.

Nên dùng mỗi ngày 3 -4 hộp (đối với hộp 110ml).

Nên dùng mỗi ngày 2 -3 hộp (đối với hộp 180ml).

**CHÚ Ý: “SỮA MẸ LÀ THỨC ĂN TỐT NHẤT CHO SỨC KHỎE VÀ SỰ PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN CỦA TRẺ NHỎ”**

“Sản phẩm này là thức ăn bổ sung và được ăn thêm cùng với sữa mẹ dùng cho trẻ từ 1 tuổi”

#### **7. Bảo quản**

Bảo quản nơi thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời, tránh những nơi có độ ẩm cao.

#### **8. Thời hạn sử dụng:**

- 09 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất và hạn dùng in trên vỏ hộp.

## 9. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

### 9.1. Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được chứa trong bao bì hộp giấy, bên trong là lớp PE chuyên dùng, ghép kín, đảm bảo yêu cầu an toàn thực phẩm theo QCVN 12-1:2011/BYT của Bộ Y tế.

### 9.2. Quy cách đóng gói:

110 ml/hộp, 180 ml/hộp (Sai số định lượng phù hợp với Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ).

Hưng Yên, ngày 17 tháng 11 năm 2023

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**



GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Văn Tiêu*







BN: 231026-006/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2310850

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
Analytical Results



Tên mẫu/ Sample name: **Thực phẩm bổ sung sữa tiệt trùng K2 - D3**  
**Không dùng cho trẻ dưới 1 tuổi**

Khách hàng/ Client : **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC**

Địa chỉ /Address : **Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên**

Mô tả mẫu /Sample description : **Mẫu dạng lỏng đựng trong bao bì kín**

Nền mẫu /Matrix : **Thực phẩm bổ sung sữa tiệt trùng K2 - D3**  
**Không dùng cho trẻ dưới 1 tuổi**

Số lượng mẫu/ Number of sample: **01**

Ngày nhận mẫu/Date of sample received : **26/10/2023**

Ngày hẹn trả kết quả/ Date of results delivery: **07/11/2023**

Mã số mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả	LOD	Đơn vị	Phương pháp
2310850	Arsen (As) <sup>(*)</sup> (b)	KPH	0.05	mg/l	Ref. AOAC 2015.01
	Cadimi (Cd) <sup>(*)</sup> (b)	KPH	0.05	mg/l	Ref. AOAC 2015.01
	Thiếc (Sn)	KPH	0.05	mg/l	Ref. AOAC 2015.01
	Chì (Pb) <sup>(*)</sup> (b)	KPH	0.02	mg/l	Ref. AOAC 2015.01
	Thủy ngân (Hg) <sup>(*)</sup> (b)	KPH	0.02	mg/l	Ref. AOAC 2015.01
	Aflatoxin M <sub>1</sub>	KPH	0.025	µg/l	Ref. EN 15662 - 2018
	Aflatoxin B <sub>1</sub>	KPH	0.1	µg/l	Ref. EN 15662 - 2018
	Ochratoxin A	KPH	0.1	µg/l	Ref. EN 15662 - 2018
	Patulin	KPH	1.0	µg/l	Ref. EN 15662 - 2018
	Deoxynivalenol (DON)	KPH	100	µg/l	Ref. EN 15662 - 2018
	Zearalenone (ZON)	KPH	10	µg/l	Ref. EN 15662 - 2018
	Fumonisin	KPH	100	µg/l	Ref. EN 15662 - 2018



BN: 231026-006/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2310850

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
*Analytical Results*

Mã số mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả	LOD	Đơn vị	Phương pháp
2310850	Melamin	KPH	1.0	mg/l	Ref. TCVN 9048-2012 <i>mg/l</i>
	<i>Listeria monocytogenes</i>	KPH	-	/25ml	ISO 11290-1:2017
	<i>Salmonella</i> spp. <sup>(*)</sup> (b)	KPH	-	/25ml	TCVN 10780-1:2017
	<i>Cronobacter sakazakii</i>	KPH	-	/25ml	TCVN 7850:2018
	<i>Enterobacteriaceae</i> <sup>(*)</sup> (b)	<1	-	CFU/ml	ISO 21528-2:2017



**Ghi chú/Note :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử đã được mã hóa như trên /The results only valid for the sample encoded as above
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty / The results shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director
- (\*) Phương pháp được Vilas công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation ( VILAS)
- (a) Kết quả đo nhà thầu phụ thực hiện / The parameters tested by subcontractor
- (b) Phòng thử nghiệm được chỉ định bởi Bộ Y Tế / Lab approved by Ministry of Health
- LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection.
- Theo phương pháp thử, kết quả vi sinh được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/ml khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/According to the test method, the result of microbiology is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/ml when the dish contains no colony
- Theo phương pháp thử, kết quả vi sinh được biểu thị là 0 MPN/g hoặc MPN/ml nghĩa là không có phản ứng cho thấy sự phát triển của vi sinh vật đích trong môi trường nuôi cấy /According to the test method, the result of microbiology is expressed 0 MPN/g or MPN/ml as there is no reaction indicated growth of target microorganism in culture medium.
- Đối với chất lượng của nước, kết quả vi sinh được biểu thị là 0 nghĩa là không có phát hiện khuẩn lạc trong thể tích mẫu được phân tích / Water quality, the result of microbiology is expressed 0 as not detected colony in the sample volume tested.

**Phụ trách phòng thí nghiệm**  
Officer in charge of laboratory

*(Handwritten signature)*

**ThS. Nguyễn Thanh Tân**



**Giám Đốc**  
Director

*(Handwritten signature)*

**Phạm Kim Phương**